TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/DS-PT
Ngày 02 - 04 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Bà Cao Thị Túy Giang

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 04 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Q (Nguyễn Văn Q), sinh năm 1962; cư trú tại: Số 126, đường V, Khóm 2, Phường 8, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên H

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Huy L, sinh năm 1960, chức vụ: Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên H (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; cư trú tại: Số 126, đường V, Khóm 2, Phường 8, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- *Người kháng cáo của:* Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên H. Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm H, sinh năm 1960, chức vụ: Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/7/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q (Nguyễn Văn Q) trình bày: Vào ngày 31/03/2017, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên H (gọi tắt là Công ty H) do ông Phạm Huy L là giám đốc đại diện có vay của ông số tiền 3.000.000.000 đồng để thanh toán nợ đáo hạn vay Ngân hàng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 03%/tháng, thời hạn trả nợ là 05 ngày. Ông Phạm H có viết và ký giấy biên nhận nợ cho ông. Sau 05 ngày (tức là ngày 04/4/2017) Công ty H đã trả cho ông số tiền 1.269.000.000 đồng tiền gốc và đến ngày 10/11/2017 Công ty H tiếp tục trả cho ông thêm 131.000.000 đồng tiền gốc, nên số tiền gốc Công ty H còn nợ lại ông số tiền là 1.600.000.000 đồng. Từ ngày 31/3/2017 đến tháng 11/2017, hàng tháng Công ty H có trả cho ông 34.000.000 đồng và từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2017, Công ty H trả cho ông 320.000.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 30/6/2017, hai bên thỏa thuận giảm lãi xuống còn 02%/tháng và từ ngày 01/01/2018, mặc dù hai bên không có thỏa thuận, nhưng Công ty H chỉ trả cho ông tiền lãi với mức lãi suất 01%/tháng. Từ tháng 01/2018 đến hết tháng 07/2018, mỗi tháng Công ty H trả cho ông được 16.000.000 đồng, nên tổng số tiền lãi Công ty H đã trả cho ông là 418.000.000 đồng. Từ ngày 01/8/2018, Công ty H không trả cho ông thêm khoản tiền gốc và lãi nào. Nay ông yêu cầu Công ty H trả cho ông số tiền vốn vay 1.600.000.000 đồng và tiền lãi 01%/tháng từ ngày 01/8/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/năm.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty H trình bày: Vào ngày 31/03/2017, Công ty H có vay của ông Q số tiền 3.000.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 06%/tháng. Ngày 04/4/2017, Công ty H trả cho ông Q 1.300.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi từ ngày 31/03/2017 đến ngày 04/4/2017 trên số tiền gốc 3.000.000.000 đồng là 30.000.000 đồng. Từ ngày 04/4/2017 đến ngày 31/5/2017, Công ty H trả cho ông Q 187.000.000 đồng tiền lãi; ngày 01/6/2017 đến ngày 10/11/2017 Công ty H trả cho ông Q 191.533.000 đồng tiền lãi và vào ngày 10/11/2017 Công ty H trả cho ông Q 100.000.000 tiền gốc, nên số tiền nợ gốc còn lại là 1.600.000.000 đồng. Từ ngày 10/11/2017 đến ngày 31/12/2017 Công ty H trả cho ông Q 43.733.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 01/01/2018, hai bên thỏa thuận lãi suất còn 01%/tháng và từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/7/2018 Công ty H trả cho ông Q 112.000.000 đồng tiền lãi. Như vậy, tổng số tiền lãi Công ty H đã trả cho oogn Q là 564.266.000 đồng, hiện nay Công ty H còn nợ ông Q 1.600.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi từ ngày 01/8/2018 đến nay. Nay Công ty H đồng ý trả cho ông Q số tiền gốc 1.600.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/8/2018 đến ngày 17/9/2018 là 25.600.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà T thống nhất với ý kiến trình bày của ông Q, không bổ sung gì thêm. Số tiền ông Q cho Công ty H vay là tài sản chung của bà và ông Q, nên bà đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Q yêu cầu Công ty H trả cho ông Q và bà số tiền gốc 1.600.000.000 đồng và tiền lãi 01%/tháng từ ngày 01/8/2018 đến nay.

Từ những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q (Nguyễn Văn Q) đòi Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H trả cho ông số tiền vay 1.600.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi 01%/tháng từ ngày 01/8/2018 đến ngày 17/9/2018 là 25.600.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H trả cho ông Nguyễn Văn Q (Nguyễn Văn Q) và bà Nguyễn Thị T số tiền 1.564.948.473 đồng (Một tỷ, năm trăm sáu mươi bốn triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn, bốn trăm bảy mươi ba đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q (Nguyễn Văn Q) đòi Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H trả cho ông số tiền 60.651.527 đồng (Sáu mươi triệu, sáu trăm năm mươi mốt nghìn, năm trăm hai mươi bảy đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; lãi suất trong giai đoạn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20 tháng 12 năm 2018, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên H kháng cáo nội dung: Xem xét số tiền lãi mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên H đã trả cho nguyên đơn số tiền là 564.266.000 đồng và xem xét lại phần lãi suất mà cấp sơ thẩm đã áp dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên H là ông Phạm Huy L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên H, sửa một phần Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến tranh luận của các đương sự, khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên H nộp trong thời hạn luật định và hợp lệ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của Công ty H yêu cầu xem xét số tiền lãi mà Công ty H đã trả cho nguyên đơn số tiền là 564.266.000 đồng và xem xét lại mức lãi suất đã áp dụng, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[3.1] Người đại diện theo pháp luật của Công ty H xác định Công ty H đã thanh toán tiền lãi cho ông Q từ ngày vay (ngày 31/3/2017) đến ngày 31/7/2018 với số tiền là 564.266.000 đồng, để chứng minh cho lời trình bày của mình Công ty H đã nộp cho Tòa "*bảng kê theo dõi tiền mượn chú Q đáo hạn tại Ngân hàng BIDV Bạc Liêu ngày 12/9/2018"* thể hiện Công ty H đã đóng lãi cho ông Q số tiền là 564.266.000 đồng. Tuy nhiên, bảng kê theo dõi này do Công ty H tự lập, ông Q không thừa nhận Công ty H đã đóng lãi cho ông số tiền 564.266.000 đồng, ông Q chỉ thừa nhận từ ngày 31/3/2017 đến ngày 31/7/2018 Công ty H đã đóng lãi cho ông số tiền là 418.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm ghi nhận sự thừa nhận của ông Q xác định Công ty H đã đóng lãi cho ông Q số tiền 418.000.000 đồng là có căn cứ.

[3.2] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Huy L cung cấp cho Hội đồng xét xử 02 giấy nộp tiền mặt ngày 24/5/2017 và ngày 06/6/2017, 01 tờ biên nhận ngày 17/5/2017 và 01 tờ theo dõi đóng lãi cho ông Q. Theo các tài liệu, chứng cứ do ông Phạm Huy L cung cấp thể hiện ông Phạm Huy L đã đóng lãi cho ông Q trên tổng số nợ gốc 3.000.000.000 đồng là 550.110.000 đồng. Ông Q thừa nhận chữ ký, chữ viết của ông trong tờ biên nhận ngày 17/5/2017, tờ theo dõi đóng lãi cho ông Q cũng như 02 giấy nộp tiền mặt ngày 24/5/2017 và ngày 06/6/2017. Ông Q xác định trước đó hai bên có giao dịch nhiều lần khác, nhưng ông Q không có căn cứ chứng minh, trong khi các tài liệu do Công ty H cung cấp phù hợp thời điểm hai bên giao dịch số tiền vay 3.000.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ xác định số tiền lãi Công ty H đã đóng cho ông Q là 550.110.000 đồng.

[3.3] Về lãi suất: Cấp sơ thẩm áp dụng lãi suất từ ngày 31/3/2017 đến ngày 29/6/2017 là 10%/năm; lãi suất từ ngày 30/6/2017 đến ngày 31/12/2017 là 20%/năm; lãi suất từ ngày 01/01/2018 là 01%/tháng là có căn cứ. Cụ thể số tiền lãi Công ty H phải trả cho ông Q: Từ ngày 31/32017 đến ngày 04/4/2017: 3.000.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 04 ngày = 3.320.000 đồng; từ ngày 05/4/2017 đến ngày 29/6/2017: 1.731.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 02 tháng 24 ngày = 40.228.440 đồng; từ ngày 30/6/2017 đến ngày 10/11/2017: 1.731.000.000 đồng x 1,67%/tháng x 04 tháng 10 ngày = 125.266.700 đồng; từ ngày 11/11/2017 đến ngày 31/12/2017: 1.600.000.000 đồng x 1,67%/tháng x 01 tháng 20 ngày = 44.533.333 đồng và từ ngày 01/01/2018 đến ngày 19/11/2018: 1.600.000.000 đồng x 01%/tháng x 10 tháng 18 ngày = 169.600.000 đồng; tổng cộng là 382.948.473

đồng. Do số tiền lãi Công ty H đã đóng cho ông Q là 550.110.000 đồng, vượt số tiền lãi phải thanh toán cho ông Q, nên được đối trừ vào số nợ gốc và số tiền nợ gốc Công ty H phải trả cho ông Q bằng: [(1.600.000.000 đồng + 382.948.473 đồng) – 550.110.000 đồng] = 1.432.838.473 đồng.

[4] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty H; có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 60/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Do chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty H, nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được tính lại theo quy định của pháp luật, cụ thể: Ông Q chịu [(1.625.600.000 đồng – 1.432.838.473 đồng) x 5%] = 9.638.076 đồng. Công ty H chịu [36.000.000 đồng + (3% x 632.838.473 đồng)] = 54.985.154 đồng.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm, Công ty H không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên H. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 60/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q (Nguyễn Văn Q) đòi Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H trả cho ông số tiền vay 1.600.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi 01%/tháng từ ngày 01/8/2018 đến ngày 17/9/2018 là 25.600.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H trả cho ông Nguyễn Văn Q (Nguyễn Văn Q) và bà Nguyễn Thị T số tiền 1.432.838.473 đồng (Một tỷ, bốn trăm ba mươi hai triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, bốn trăm bảy mươi ba đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q (Nguyễn Văn Q) đòi Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H trả cho ông số tiền 192.761.527 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi mốt nghìn, năm trăm hai mươi bảy đồng).

3. Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H chịu 54.985.154 đồng (Năm mươi bốn triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn, một trăm năm mươi bốn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Ông Nguyễn Văn Q (Nguyễn Văn Q) chịu 9.638.076 đồng (Chín triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn, không trăm bảy mươi sáu đồng). Ông Nguyễn Văn Q (Nguyễn Văn Q) đã nộp tạm ứng án phí số tiền 30.032.000 đồng (Ba mươi triệu, không trăm ba mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009477 ngày 24/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ số tiền 9.638.076 đồng đồng, ông Nguyễn Văn Q (Nguyễn Văn Q) được nhận lại số tiền 20.393.924 đồng (Hai mươi triệu, ba trăm chín mươi ba nghìn, chín trăm hai mươi bốn đồng).

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H không phải chịu. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013314 ngày 21/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Lệ Kiều